

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST

Ngày: 20/4/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện
2. Ông Nguyễn Thành Quyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang K, phường T, quận H, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: ông Trần Hữu T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh H

Địa chỉ: Số 32, đường Nguyễn Công T, phường 1, thành phố V, tỉnh H

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Trương Sơn E – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Theo văn bản uỷ quyền ngày 26/12/2022 (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Bé T, sinh năm: 1958; Địa chỉ: ấp Phương A, xã Phương P,

huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

2.2. Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1957; Địa chỉ: ấp Phương A, xã Phương P, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày:

Ngân hàng với ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C (vợ ông T) có ký hợp đồng tín dụng số HĐTD803202002745 được ký kết ngày 28/12/2020 để cho ông T và bà C vay số tiền 50.000.000 đồng; mục đích vay sản xuất nông nghiệp; lãi suất cho vay là 12,5%/năm, lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh theo phương thức định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm; thời hạn vay 11 tháng, từ ngày giải ngân 29/12/2020 đến ngày 24/11/2021. Nợ gốc: trả cuối kỳ vào ngày 24/11/2021; trả lãi: trả 03 tháng/lần, tổng cộng lãi trả 04 lần. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà C chỉ trả được số tiền lãi là 4.701.546 đồng thì ngưng trả cho đến nay. Do ông T và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/4/2023 là: 64.116.948 đồng, trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 966.263 đồng và nợ lãi quá hạn là 13.150.685 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 21/4/2023 cho đến khi tắt nợ.

Bị đơn ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên bị đơn vắng mặt, không lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi là 64.116.980 đồng của hợp đồng đã vay tạm tính đến ngày 20/4/2023. Đồng thời bị đơn còn tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C đã được Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, kèm theo đơn khởi kiện Ngân hàng thương mại cổ phần B đã cung cấp hợp đồng tín dụng số HĐTD803202002745 được ký kết ngày 28/12/2020 và biên bản làm việc cam kết trả nợ vay ngày 28/11/2021 của ông Lê Bé T, nội dung hợp đồng thể hiện ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C có vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, mục đích trồng Mía, nuôi Heo; thời hạn vay 11 tháng, từ ngày giải ngân 29/12/2020 đến ngày 24/11/2021. Trong quá trình vay thì ông T và bà C chỉ thực hiện nghĩa vụ trả được một phần tiền lãi là 4.701.546 đồng thì ngưng trả lãi và không trả nợ gốc. Đến nay thời hạn vay cũng đã hết mà ông T và bà C không trả nợ đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký là vi phạm hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Qua đó có cơ sở xác định việc Ngân hàng yêu cầu ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C trả số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh là phù hợp.

[3] Từ những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/4/2023 là: 64.116.948 đồng, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 966.263 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.150.685 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 21/4/2023 theo hợp đồng tín dụng HĐTD803202002745 được ký kết ngày 28/12/2020.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/4/2023 là: 64.116.948 đồng, trong đó: nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 966.263 đồng và nợ lãi quá hạn là 13.150.685 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20/4/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Bé T và bà Phạm Thị C phải nộp 3.205.000 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B 1.383.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0000688 ngày 11/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Dũng